

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 13-4-2023

V/v: Ly hôn giữa anh D và Chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24-11-2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/HNGĐ-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Trục N - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐ-PT ngày 08-3-2023 giữa các đương sự:

+Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D- Sinh năm 1986

Nơi thường trú: Xóm L - xã Nghĩa T - huyện Việt Y - tỉnh Bắc G

+ Bị đơn: Chị Trần Thị T - Sinh năm 1990

ĐKHKTT: Thôn Văn Lãng N (tức xóm Nam C cũ) - xã Trục T - huyện Trục N - tỉnh Nam Định

+ Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị T vào ngày 08-01-2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa T - huyện Việt Y - tỉnh Bắc G. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp tính tình vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01-2021. Anh và Chị T đã sống ly thân từ tháng 01-2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh xin ly hôn chị Trần Thị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức T sinh ngày 14-7-2019 và Nguyễn Đức T1 sinh ngày 30-4-2021. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng Chị T cùng với ông bà ngoại. Khi ly hôn anh nhận nuôi cháu T và đồng ý để Chị T nuôi cháu T1 hoặc anh nhận nuôi cả 02 cháu. Anh không yêu cầu Chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị xác định thời gian kết hôn như anh D đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến tháng 7-2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã Trục T - huyện Trục N - tỉnh Nam Định để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01- 2021 đến nay. Nay anh D có đơn xin ly hôn chị nhận thấy tình cảm của mình không còn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức T sinh ngày 14-7-2019 và Nguyễn Đức T1 sinh ngày 30-4-2021. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 2 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Vì hiện nay cả hai con còn bé đang ở với chị, chị có đủ điều kiện nuôi dạy các con. Hiện nay, anh D thường xuyên đi làm không có điều kiện nuôi dạy các con và từ trước đến nay anh D cũng không

quan tâm đến các con. Bố mẹ anh D cũng không có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy các cháu.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/HNGĐ-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trục N - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51; 55; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Đức T sinh ngày 14-7-2019 và Nguyễn Đức T1 sinh ngày 30-4-2021.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị T mỗi tháng là 3.000.000 đồng /tháng kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu T trưởng thành tự lập.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 23/9/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về phần quyền nuôi con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, trình bày và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Sau khi xử sơ thẩm, Chị T đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, để lại 02 con cho mẹ để chăm sóc - như vậy không bảo đảm được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung; bản thân anh D là bố đẻ của 02 cháu, hiện có việc làm - anh làm nghề thợ sơn, có thu nhập khoảng 10 triệu đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, bảo đảm được việc nuôi dưỡng các con, nên anh đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho anh nuôi dưỡng chăm sóc. Anh D không yêu cầu chị Trần Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Bà Trần Thị H (là mẹ đẻ của chị Trần Thị T) có mặt tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, tháng 1/2023 chị Trần Thị T đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, 02 con chung của anh D - Chị T hiện do bà chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của tòa cấp phúc thẩm, bà đã thông báo cho Chị T biết nội dung, Chị T hiện vẫn đang ở bên Nhật Bản nên không về Việt Nam tham gia phiên tòa được, Chị T có trao đổi với bà Huệ là vẫn có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, và để các con cho bà Huệ chăm sóc khi Chị T đi lao động ở nước ngoài.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Anh D trình bày hiện Chị T đã đi xuất khẩu tại Nhật Bản, để 02 con chung cho mẹ đẻ chăm sóc, nên anh D đề nghị chuyển quyền nuôi 02 con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản sơ thẩm về phần nuôi con chung theo hướng giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Dằm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn D:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

Chị Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt chị Trần Thị T.

+ Về nội dung: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa T - huyện Việt Y - tỉnh Bắc G vào năm 2019, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án sơ thẩm đã xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị T là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn: Anh D và Chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 14-7-2019, cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 30-4-2021.

Theo xác minh tại địa phương và lời trình bày của bà Trần Thị H (mẹ đẻ Chị T) thì sau khi xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị T đã đi lao động xuất khẩu tại Nhật bản, Chị T đã để cả 02 con chung ở Việt Nam cho bà Huệ chăm sóc và nuôi dưỡng.

Xét thấy cả 02 con chung của anh D - Chị T đều chưa thành niên, còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục thường xuyên trực tiếp của cha mẹ để cho các con được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Chị Trần Thị T được tòa cấp sơ thẩm giao quyền nuôi 02 con chung, nhưng ngay sau khi xử sơ thẩm Chị T đã đi lao động ở nước ngoài, để cả 02 con chung ở Việt Nam cho mẹ đẻ chăm sóc, như vậy Chị T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình.

Anh Nguyễn Văn D hiện sinh sống tại Việt Nam, có công việc, có thu nhập, có chỗ ở ổn định, anh D có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung; vì vậy để bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên theo quy định của Luật trẻ em và Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần sửa án sơ thẩm, giao quyền nuôi cả 02 con chung cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc.

Hiện nay 02 cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 14-7-2019, cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 30-4-2021 đang được Chị T giao cho mẹ đẻ là bà Trần Thị H chăm sóc, vì

vậy Chị T và bà Huệ phải có trách nhiệm bàn giao 02 cháu Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức T1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn D không yêu cầu chị Trần Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kháng cáo của anh Nguyễn Văn D về quyền nuôi con chung có căn cứ pháp lý, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn D được chấp nhận nên anh D không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D; sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị T.

2.2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 14-7-2019, cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 30-4-2021, cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn D không yêu cầu chị Trần Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị T và bà Trần Thị H (mẹ đẻ Chị T) phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 14-7-2019 và cháu Nguyễn Đức T1 sinh ngày 30-4-2021, cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Chị Trần Thị T có quyền - nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí:

Anh Nguyễn Văn D không phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí dân sự phúc thẩm. Anh D được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Văn D đã nộp tại biên lai số 0002060 ngày 23-9-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục N.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND
- TAND huyện Trục N;
- Chi cục THADS huyện Trục N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương